

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 83/2017/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***. Nguyên đơn:**

Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Số 266 - 268 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G. - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A, chi nhánh tỉnh B.

Người được ủy quyền lại: Bà **Trần Song Hạ Q.** - Trưởng phòng giao dịch huyện B;

Địa chỉ: Số 130 Ô 1, khu 2, thị trấn C, huyện D, tỉnh B.

***. Bị đơn:**

1/. Ông **Nguyễn Ngọc T.**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp Tân N., xã Tân P., huyện X, tỉnh Y.

2/. Bà **Trần Thị K.**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp Tân N., xã Tân P., huyện X, tỉnh Y.

***. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/. Anh **Nguyễn Công C1.**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp Tân N., xã Tân P., huyện X, tỉnh Y.

2/. Chị **Phạm Thị Cẩm N1**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp Tân N2, xã Tân P., huyện X, tỉnh Y.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị K. và ông Nguyễn Ngọc T. cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 771.121.009 đồng (*Bảy trăm bảy mươi một triệu, một trăm hai mươi một nghìn, không trăm lẻ chín đồng*) (Trong đó: nợ vốn là 576.814.000 đồng + tiền lãi tạm tính đến ngày 09/4/2018 là 194.307.009 đồng); thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm một lần ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật và tiếp tục chịu lãi đối với số tiền vốn còn nợ theo hợp đồng tín dụng LD1517000315 ngày 22/6/2015 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả vốn vay.

- Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho bà Trần Thị K., ông Nguyễn Ngọc T., anh Nguyễn Công C1 và chị Phạm Thị Cẩm N1 ngay sau khi bà K. và ông T. thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

Kể từ khi Ngân hàng thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà K., ông T. chậm thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

+ Thửa đất số 455, tờ bản đồ số 1, diện tích 495,2 m², tọa lạc tại ấp Tân N1, xã Tân P., huyện X tỉnh Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00131 ngày 25/4/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Y cấp cho ông Nguyễn Ngọc T. và bà Trần Thị K.;

+ Thửa đất số 453, tờ bản đồ số 1, diện tích 221 m² tọa lạc tại ấp Tân N1, xã Tân P., huyện X tỉnh Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00133 ngày 25/4/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Y cấp cho ông Nguyễn Ngọc T. và bà Trần Thị K.;

+ Thửa đất số 452, tờ bản đồ số 1, diện tích 387,6 m² tọa lạc tại ấp Tân N1, xã Tân P., huyện X tỉnh Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00132 ngày 25/4/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Y cấp cho ông Nguyễn Ngọc T. và bà Trần Thị K.;

+ Thửa đất số 715, 716 tờ bản đồ số 1, diện tích 1.360 m², tọa lạc tại ấp Tân N1, xã Tân P., huyện X tỉnh Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0362 ngày 02/10/2000 của Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Y cấp cho ông Nguyễn Ngọc T. và bà Trần Thị K.;

+ Thửa đất số 1112, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.628 m², tọa lạc tại ấp Tân N1, xã Tân P., huyện X tỉnh Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02017 ngày 06/02/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Y cấp cho ông Nguyễn Ngọc T. và bà Trần Thị K.;

+ Thửa đất số 1413, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.554 m², tọa lạc tại ấp Tân N1, xã Tân P., huyện X tỉnh Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00749

ngày 22/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Y cấp cho ông Nguyễn Công C3.

- Về án phí:

+ Ông T., bà K. phải liên đới chịu 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (được miễn giảm một phần án phí).

+ Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.507.958 đồng theo biên lai thu số 48695 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Y.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền án phí, hàng tháng bà K., ông T. còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Tuấn